

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV24B1**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH04217**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2456201160214	Trần Duy Bảo	04/05/2009				6	6.0	6.0	7.0		4.3		5.1
2	2456201160215	Lê Hoàng Bình	15/10/2009				7	7.0	9.0	7.0		8.8		8.3
3	2456201160216	La Thị Ngọc Diệp	17/12/2009				10	6.0	8.0	9.0		10.0		9.2
4	2456201160217	Bùi Thanh Duy	06/08/2006				10	8.0	10.0	9.0		9.5		9.4
5	2456201160218	Tô Hùng Duy	21/04/2008				6	5.0	5.0	8.0		8.8		7.7
6	2456201160219	Trương Thanh Duy	19/09/1999				7	9.0	10.0	10.0		10.0		9.7
7	2456201160220	Nguyễn Thái Tiến Đạt	05/05/2008				5	4.0	8.0	8.0		8.8		7.9
8	2456201160221	Võ Trần Duy Đô	23/12/2006				10	7.0	9.0	8.0		9.3		8.9
9	2456201160222	Hoa Quốc Hào	19/12/2009				7	5.0	9.0	8.0		6.5		6.8
10	2456201160223	Hồ Đăng Hùng	31/07/2009				7	3.0	5.0	8.0		6.8		6.3
11	2456201160224	Đồng Hiểu Khang	03/11/2009				0	5.0	0.0	0.0		CT		0.6
12	2456201160226	Nguyễn Chí Khiết	12/07/2006				10	8.0	10.0	10.0		10.0		9.8
13	2456201160227	Lâm Tuấn Kiệt	09/02/2006				9	8.0	9.0	9.0		10.0		9.5
14	2456201160228	Trương Ngọc Lễ	09/11/2009				9	4.0	8.0	10.0		10.0		9.0
15	2456201160229	Trần Phước Linh	20/12/2009				5	5.0	7.0	7.0		3.5		4.6
16	2456201160230	Ngô Phước Lộc	11/01/2005				8	7.0	9.0	9.0		8.0		8.1
17	2456201160231	Nguyễn Quang Minh	25/10/2009				5	5.0	5.0	5.0		0.5		2.3
18	2456201160232	Lâm Thị Mỹ Ngân	07/12/2007				9	4.0	7.0	8.0		0.0		2.7
19	2456201160233	Nguyễn Phạm Kim Nguyên	08/01/2009				4	5.0	10.0	10.0		6.0		6.7
20	2456201160234	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	29/06/2009				5	5.0	8.0	10.0		6.5		6.8
21	2456201160235	Lê Thị Huyền Nhi	03/10/2004				4	8.0	9.0	10.0		8.3		8.3
22	2456201160236	Nguyễn Trọng Phúc	28/08/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
23	2456201160237	Phan Huỳnh Hữu Phúc	01/12/2009				3	5.0	8.0	9.0		5.0		5.7
24	2456201160238	Đoàn Minh Phước	26/09/2009				3	4.0	5.0	7.0		0.5		2.3
25	2456201160240	Lê Thị Thu Quỳnh	27/01/2009				7	4.0	8.0	8.0		5.5		6.0
26	2456201160241	Đỗ Thanh Sang	03/12/2008				0	7.0	2.0	0.0		CT		1.0
27	2456201160242	Phạm Quang Sử	04/07/2009				6	6.0	7.0	8.0		7.0		6.9
28	2456201160243	Đặng Thành Tánh	30/12/2006				10	7.0	10.0	10.0		10.0		9.7
29	2456201160244	Trần Thiện Tâm	25/01/2008				6	3.0	8.0	9.0		3.0		4.4
30	2456201160245	Đặng Chí Thảo	29/04/2009				1	6.0	9.0	8.0		5.5		6.0
31	2456201160246	Nguyễn Trung Thắng	31/07/2008				6	4.0	10.0	8.0		9.3		8.4
32	2456201160247	Nguyễn Chí Thiện	26/08/2006				10	6.0	10.0	8.0		8.5		8.4
33	2456201160248	Nguyễn Phú Thuận	12/05/2009				2	3.0	6.0	9.0		8.0		7.0
34	2456201160249	Nguyễn Minh Thương	28/10/2009				5	5.0	7.0	9.0		9.5		8.4
35	2456201160250	Phạm Thị Cẩm Tiên	27/02/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
36	2456201160251	Nguyễn Công Vinh	07/01/2009				9	5.0	9.0	10.0		5.0		6.3

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 30 tháng 6 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thị Bích Thắm